TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 05/09/2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đào Quang Tuấn
2. Bà Quách Thị Tình

- *Thư ký phiên toà*: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa*** *tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Nguyệt - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 45/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 11/8/2023, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Anh Vũ Đức V; Sinh năm: 1994

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2.Bị đơn: Chị Lê Thị L; Sinh năm: 1989

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 31/01/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, anh Vũ Đức V trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Lê Thị L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 07/10/2014. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận được 03 năm thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp nên khi chung sống thì thường xuyên sảy ra cãi cọ, cuộc sống không hạnh phúc. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng vợ chồng vẫn không thể hòa hợp được. Anh và chị L đã sống ly thân đến nay hơn 05 năm, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Vũ Tường V, sinh ngày 06/4/2015 và Vũ Đức D, sinh ngày 29/3/2017. Từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu V ở với anh, còn cháu D ở với chị L. Ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi

dưỡng cháu V và giao cháu D cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 14/6/2023, chị Lê Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Vũ Đức V kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 07/10/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa được 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên sảy ra cãi cọ. Thêm vào đó, anh V có mối quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác nên mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên trầm trọng. Hiện tại, chị và anh V đã sống ly thân được 5 năm, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Vũ Tường V, sinh ngày 06/4/2015 và Vũ Đức D, sinh ngày 29/3/2017. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D và giao cháu V cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Trong quá trình hôn nhân, chị và anh V có một số tài sản là một chiếc xe máy, trị giá lúc mua là 27.500.000đ (Hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng) và 1,6 cây vàng là vàng cưới nhưng anh V đã tiêu sài cá nhân. Ly hôn, chị yêu cầu anh V phải trả lại cho chị số vàng trên và chiếc xe máy trị giá thành tiền là 27.500.000đ (Hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu chị L cung cấp các tài liệu, chứng cứ đối với các tài sản nói trên để làm căn cứ giải quyết vụ án nhưng chị L không cung cấp.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, còn bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: Xử cho anh Vũ Đức V và chị Lê Thị L được ly hôn; Về con chung: Giao cháu Vũ Tường V, sinh ngày 06/4/2015 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Đức D, sinh ngày 29/3/2017, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản: Dành quyền khởi kiện cho chị L trong vụ án khác khi có đủ căn cứ và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định

nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng nhưng VKS được biết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho các bên đương sự, nhưng chị L không có mặt nên tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho chị L theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Chị L đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa, anh V nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, chị L vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt anh V và chị L.

[5]. Về hôn nhân: Anh Vũ Đức V và chị Lê Thị L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 07/10/2014 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận được 03 năm thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống, không tin tưởng nhau trong chuyện tình cảm nên khi chung sống thì thường xuyên sảy ra cãi cọ, cuộc sống không hạnh phúc. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng vợ chồng vẫn không thể hòa hợp được. Việc này, cả anh V và chị L đều thừa nhận và cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương. Nay cả anh V và chị L đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh, chị được ly hôn, chứng tỏ mâu thẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Vũ Đức V và chị Lê Thị L được ly hôn.

[6]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung. Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu V ở với bố, còn cháu D vẫn ở với mẹ. Bản thân cháu V cũng có nguyện vọng được ở với bố. Do đó, nên chấp nhận yêu cầu của anh V và chị L, giao cháu Vũ Tường V, sinh ngày 06/4/2015 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Đức D, sinh ngày 29/3/2017, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[7]. Về tài sản: Do chị L không cung cấp được cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ liên quan điến việc yêu cầu chia tài sản nên Tòa án không có căn cứ để xem xét, giải quyết trong vụ án này. Dành quyền khởi kiện cho chị L về việc chia tài sản vợ chồng sau ly hôn trong vụ án khác khi có yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8]. Về án phí: Anh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Vũ Đức V và chị Lê Thị L được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Tường V, sinh ngày 06/4/2015 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Đức D, sinh ngày 29/3/2017. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh V, chị L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Vũ Đức V phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí DSST là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số AA/2021/0007931 ngày 01/02/2023. Anh V đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt anh Vũ Đức V và chị Lê Thị L. Anh V và chị L có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cúc